

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2022/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 31/TTr-SKHCN ngày 20 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2022 và thay thế Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Kho Bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Bộ Tư pháp (*Cục Kiểm tra văn bản QPPL*);
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Báo Kon Tum;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX._{PTDL}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ngọc Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum

(Kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định:

1. Định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước.
2. Định mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở của cơ quan có thẩm quyền.
3. Lập, thẩm định, phê duyệt và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng định mức xây dựng và phân bổ dự toán

1. Các định mức xây dựng dự toán quy định tại Quy định này là định mức tối đa, áp dụng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.
2. Các định mức chi khác làm căn cứ lập dự toán của nhiệm vụ KH&CN không quy định cụ thể tại Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 4. Các loại nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.

Điều 5. Chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN, số lượng thành viên và ngày công tham gia đối với mỗi chức danh thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư

liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 7. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Dự toán tiền công lao động trực tiếp.

a) Cấu trúc thuyết minh phân tính tiền công lao động triển khai nhiệm vụ KH&CN bao gồm các công việc và dự kiến kết quả như sau:

TT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu
4	Nội dung nghiên cứu chuyên môn	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn
5	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; quy trình công nghệ
6	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác
7	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp

Trong trường hợp cụ thể, nhiệm vụ KH&CN có thể không đầy đủ các phân nội dung theo cấu trúc trên.

b) Tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được tính theo ngày công lao động quy đổi (08 giờ/01 ngày; trường hợp có số giờ công lẻ, trên 4 giờ được tính 1 ngày công, dưới 4 giờ được tính $\frac{1}{2}$ ngày công) và mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán.

Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm xây dựng thuyết minh dự toán tiền công theo cấu trúc chung nhiệm vụ KH&CN tại điểm a, khoản 1 Điều này, chi tiết theo từng chức danh tham gia thực hiện nội dung công việc, số ngày công tham gia của từng chức danh.

Dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức và định mức sau:

$$Tc = Lcs \times Hstcn \times Snc$$

Trong đó:

Tc: Dự toán tiền công của chức danh

Lcs: Lương cơ sở do Nhà nước quy định

Hstcn: Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh tính theo Bảng 1, 2, 3 dưới đây

Snc: Số ngày công của từng chức danh

Bảng 1: Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ đối với Đề tài KH&CN cấp tỉnh; Chương trình KH&CN cấp tỉnh; Đề án khoa học cấp tỉnh; Dự án KH&CN tiềm năng cấp tỉnh.

STT	Chức danh	Hệ số chức danh nghiên cứu (Hcd)	Hệ số lao động khoa học (Hkh)	Hệ số tiền công theo ngày (mức tối đa) $Hstcn = (Hcd \times Hkh)/22$
A	B	C	D	E
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	Tính theo hệ số lương hiện hưởng của cá nhân tham gia nhưng tối đa không quá hệ số 6,92	2,0	$E = (Cx D)/22$
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	Tính theo hệ số lương hiện hưởng của cá nhân tham gia nhưng tối đa không quá hệ số 5,42	1,6	$E = (Cx D)/22$
3	Thành viên	Tính theo hệ số lương hiện hưởng của cá nhân tham gia nhưng tối đa không quá hệ số 3,66	1,2	$E = (Cx D)/22$
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	Tính theo hệ số lương hiện hưởng của cá nhân tham gia nhưng tối đa không quá hệ số 2,86	1,0	$E = (Cx D)/22$

Bảng 2: Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh; Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh (ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng; Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2030,...)

STT	Chức danh	Hệ số chức danh nghiên cứu (Hcd)	Hệ số lao động khoa học (Hkh)	Hệ số tiền công theo ngày (mức tối đa) $Hstcn = (Hcd \times Hkh)/22$
A	B	C	D	E
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	Tính theo hệ số lương hiện hưởng của cá nhân tham gia nhưng tối đa không quá hệ số 6,92	1,5	$E = (Cx D)/22$
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	Tính theo hệ số lương hiện hưởng của cá nhân tham gia nhưng tối đa không quá hệ số 5,42	1,2	$E = (Cx D)/22$
3	Thành viên	Tính theo hệ số lương hiện hưởng của cá nhân tham gia nhưng tối đa không quá hệ số 3,66	1,1	$E = (Cx D)/22$
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	Tính theo hệ số lương hiện hưởng của cá nhân tham gia nhưng tối đa không quá hệ số 2,86	1	$E = (Cx D)/22$

Bảng 3: Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

STT	Chức danh	Hệ số chức danh nghiên cứu (Hcd)	Hệ số lao động khoa học (Hkh)	Hệ số tiền công theo ngày (mức tối đa) $Hstcn = (Hcd \times Hkh)/22$
A	B	C	D	E
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	Tính theo hệ số lương hiện hưởng của cá nhân tham gia nhưng tối đa không quá hệ số 6,92	1,5	$E = (Cx D)/22$
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	Tính theo hệ số lương hiện hưởng của cá nhân tham gia nhưng tối đa không quá hệ số 5,42	1,2	$E = (Cx D)/22$
3	Thành viên	Tính theo hệ số lương hiện hưởng của cá nhân tham gia nhưng tối đa không quá hệ số 3,66	1,1	$E = (Cx D)/22$
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	Tính theo hệ số lương hiện hưởng của cá nhân tham gia nhưng tối đa không quá hệ số 2,86	1	$E = (Cx D)/22$

c) Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh quy định tại điểm a, b, c Khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu.

a) Thuê chuyên gia trong nước.

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc.

Trường hợp thuê chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá 20 triệu đồng/người/tháng (22 ngày/1 tháng). Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định này.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN có dự toán thuê chuyên gia trong nước vượt quá 20 triệu đồng/người/tháng hoặc tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định này thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước.

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định này.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN có dự toán thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 30% tổng dự toán tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định này thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm.

c) Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở không được thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài.

3. Dự toán chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

4. Dự toán chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan. Nội dung chi này có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ KH&CN; được quản lý theo quy định hiện hành về sửa chữa, mua sắm tài sản hình thành có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

5. Dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu.

a) Định mức xây dựng dự toán chi thù lao tham gia hội thảo khoa học như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi	
			Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Người chủ trì	Buổi hội thảo	900	720
2	Thư ký hội thảo	Buổi hội thảo	300	180
3	Báo cáo viên trình bày tại Hội thảo	Báo cáo	1.200	720
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	600	360
5	Đại biểu được mời tham dự	thành viên/ buổi hội thảo	120	70

b) Các nội dung chi khác phục vụ cho việc tổ chức hội thảo khoa học được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc. Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khác nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 và Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

6. Dự toán chi họp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên Hội đồng, mức chi bằng 50% mức chi của Hội đồng nghiệm thu chính thức.

7. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia; Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định nội dung chi, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

8. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: chi điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH&CN tại tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ KH&CN của tổ chức chủ trì.

Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 60 triệu đồng.

9. Các khoản chi khác được vận dụng theo các quy định quản lý hiện hành của pháp luật.

Điều 8. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng.

a) Định mức chi tiền công.

Bảng 1: Định mức chi tiền công họp Hội đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa			
			Hội đồng cấp tỉnh		Hội đồng cấp cơ sở	
			Đề tài KH&CN cấp tỉnh; chương trình KH&CN cấp tỉnh; Đề án khoa học cấp tỉnh; Dự án KH&CN tiềm năng cấp tỉnh	Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh; Dự án KH&CN cấp tỉnh	Đề tài KH&CN	Dự án KH&CN
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN					
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng				
	Chủ tịch hội đồng		600	500	360	300
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		480	400	280	240

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa			
			Hội đồng cấp tỉnh		Hội đồng cấp cơ sở	
			Đề tài KH&CN cấp tỉnh; chương trình KH&CN cấp tỉnh; Đề án khoa học cấp tỉnh; Dự án KH&CN tiềm năng cấp tỉnh	Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh; Dự án KH&CN cấp tỉnh	Đề tài KH&CN	Dự án KH&CN
	Thư ký hành chính		180	150	100	90
	Đại biểu được mời tham dự		120	100	70	60
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá				
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		180	150	100	90
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		300	250	180	150
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN					
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng				
	Chủ tịch hội đồng		900	750	540	450
	Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		600	500	360	300
	Thư ký hành chính		180	150	100	90
	Đại biểu được mời tham dự		120	100	70	60

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa			
			Hội đồng cấp tỉnh		Hội đồng cấp cơ sở	
			Đề tài KH&CN cấp tỉnh; chương trình KH&CN cấp tỉnh; Đề án khoa học cấp tỉnh; Dự án KH&CN tiềm năng cấp tỉnh	Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh; Dự án KH&CN cấp tỉnh	Đề tài KH&CN	Dự án KH&CN
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá/ Hồ sơ				
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		300	250	180	150
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		420	350	250	200
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN	Nhiệm vụ				
	Tổ trưởng tổ thẩm định		420	350	250	210
	Thành viên tổ thẩm định		300	250	180	150
	Thư ký hành chính		180	150	100	90
	Đại biểu được mời tham dự		120	100	70	60
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN					
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ				
	Chủ tịch hội đồng		900	750	540	450
	Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		600	500	360	300

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa			
			Hội đồng cấp tỉnh		Hội đồng cấp cơ sở	
			Đề tài KH&CN cấp tỉnh; chương trình KH&CN cấp tỉnh; Đề án khoa học cấp tỉnh; Dự án KH&CN tiềm năng cấp tỉnh	Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh; Dự án KH&CN cấp tỉnh	Đề tài KH&CN	Dự án KH&CN
	Thư ký hành chính		180	150	100	90
	Đại biểu được mời tham dự		120	100	70	60
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá				
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		300	250	180	150
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		420	350	250	210

b) Các nội dung khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập.

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập.

Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 3 lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công họp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN Quyết định và chịu trách nhiệm.

3. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Xây dựng dự toán trên cơ sở báo giá của các cơ quan truyền thông lựa chọn đăng tin.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ.

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá giữa kỳ được xây dựng theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm

2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 và Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá giữa kỳ) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Quy định này.

Điều 9. Lập dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các nhiệm vụ KH&CN

Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước theo quy định, căn cứ vào kế hoạch xác định, tuyển chọn, xét giao trực tiếp các nhiệm vụ KH&CN trong năm; kế hoạch kiểm tra, đánh giá giữa kỳ (nếu có), đánh giá nghiệm thu đối với các nhiệm vụ KH&CN trong năm và định mức chi quy định tại Quy định này, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của nhiệm vụ KH&CN và tổng hợp vào dự toán chi sự nghiệp KH&CN của địa phương, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Lập dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 11. Thẩm định, phê duyệt, giao dự toán, thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định dự toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN theo quy định hiện hành.

2. Trên cơ sở kết quả thẩm định kinh phí của tổ thẩm định dự toán, Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt dự toán, giao dự toán, chuyển kinh phí cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Việc thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản quy định hiện hành.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm phê duyệt.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.
